TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN X** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 750/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
  Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khả
  Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông (bà) Nguyễn Thị Bính Thân
  2. Ông (bà) Lâm Thị Hoàng Oanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Cán bộ Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện *Viện kiểm sát nhân dân quận X tham gia phiên tòa*: Bà: Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0991/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Diệp Ngọc D; Sinh năm: 1980
Địa chỉ: L, 208 đường C, Phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xet xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Thành Đ; Sinh năm: 1977
Địa chỉ: L, 208 đường C, Phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 Tòa án nhân dân quận X thụ lý vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, do nguyên đơn Bà Lê Diệp Ngọc D khởi kiện đối với bị đơn ông Lê Thành Đ. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà Lê Diệp Ngọc D trình bày:

Năm 2006 Tôi và ông Lê Thành Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Q, Thị xã T, Thành phố T, tỉnh Long An. Quá trình chung sống có hạnh phúc khoảng 06 năm. Từ năm 2012 không còn hạnh phúc, nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp. Chúng tôi có 02 người con chung là bé Lê Ngọc Quỳnh A (sinh năm: 2006) và bé Lê Anh Đ (sinh năm: 2012)

Năm 2016 chúng tôi có mua căn nhà ở địa chỉ:52/89A đường N, Phường L, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây. Năm 2018,

chúng tôi đã bán căn nhà 52/89A đường N, Phường L, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng mâu thuẫn, ông Lê Thành Đ đã đi khỏi nơi ở, đi đâu không rõ địa chỉ.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được, vợ chồng không chung sống với nhau nhiều năm, do đó bà Lê Diệp Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Diệp Ngọc D yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thành Đ

- Về con chung: Bà D và ông Đ có 02 (hai) con chung, em Lê Ngọc Quỳnh A (sinh ngày 30/10/2006) và bé Lê Anh Đ (sinh 05/09/2012). Thời điểm tòa thụ lý vụ án, 2 em chưa thành niên. Bà D yêu cầu nuôi 2 con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự vắng mặt của bị đơn ông Lê Thành Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận X đã tiến hành xác minh nơi cư trú của của ông Lê Thành Đ. Tuy nhiên từ 06/2024 ông Lê Thành Đ không còn cư trú tại địa phương, chuyển đi đâu không rõ địa chỉ. Tòa án đã tống đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Lê Thành Đ theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Lê Thành Đ vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đến Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận X tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

- Việc thụ lý vụ án của Tòa là đúng thẩm quyền. Tòa án ra thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án còn vi phạm thời hạn giao thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn và thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý cho đến thời điểm tiến hành xét xử vụ án Thẩm phán chấp hành đúng các quy định tại các Điều 48, 170, 181, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân thủ pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, từ khi thụ lý đến phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn đã thực hiện không đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 khoản 2 Điều 53; Điền 81; Điều 110; Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp chận yêu cầu ly hôn của bà Lê Diệp Ngọc D. Về con chung: Giao 01 con chung là bé Lê Thành Đ (sinh năm: 2012) cho Bà D được nuôi dưỡng, chăm sóc. Trẻ Lê Ngọc Quỳnh A (sinh năm: 2006)

đã trưởng thành; không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí nguyên đơn bà Lê Diệp Ngọc D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc "Tranh chấp về ly hôn". Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường V và L quận X thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn bà Lê Diệp Ngọc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Thành Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, đã đăng báo đài và truyền hình mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của bị đơn ông Lê Thành Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận X đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Lê Thành Đ , đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Lê Thành Đ , thông báo phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Lê Thành Đ vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đến Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó ông Lê Thành Đ cũng tự tước bỏ quyền trình bày bảo vệ những yêu cầu của mình tại Tòa, thể hiện việc không còn quan tâm gì đến cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Đ.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ vợ, chồng: Năm 2006 Tôi và ông Lê Thành Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Q, Thị xã T, Thành phố T, tỉnh Long An. Qúa trình chung sống có hạnh phúc khoảng 06 năm. Từ năm 2012 không còn hạnh phúc, nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp. Chúng tôi có 02 người con chung là bé Lê Ngọc Quỳnh Anh (sinh năm: 2006) và bé Lê Anh Đức (sinh năm: 2012). Năm 2016 chúng tôi có mua căn nhà ở địa chỉ: 52/89A đường N, Phường L, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây. Năm 2018, chúng tôi đã bán căn nhà 52/89A đường N, Phường L, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng mâu thuẫn, ông Lê Thành Đ đã đi khỏi nơi ở, đi đâu không rõ địa chỉ.

Xét tại đơn vắng mặt ngày 22/5/2025, Bà D trình bày: Đến thời điểm xét xử, con Lê Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 30/10/2006, đã trên 18 tuổi. Con Lê Anh Đ, sinh ngày 05/09/2012, hiện đang sống với bà D. Bà D yêu cầu nuôi trẻ Lê Anh Đ, sinh ngày 05/09/2012, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Diệp Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 16; khoản 2 Điều 53, Điều 81; Điều 110; Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Diệp Ngọc D

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp chận yêu cầu ly hôn của bà Lê Diệp Ngọc D. Bà D được ly hôn với ông Lê Thành Đ .
- Về con chung: Có 02 con chung. Cháu Lê Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 30/10/2006, đã trưởng thành. Giao trẻ Lê Anh Đ, sinh ngày 05/09/2012 cho Bà D trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Ông Lê Thành Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng bà Lê Diệp Ngọc D phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0023761 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cấn trừ, Bà D đã nộp đủ án phí.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND TP.HCM;
- VKSND quận X;
- THADS quận X
- Các đương sự;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Công Khả